

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HS-ST
Ngày 23 - 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Hữu Nghĩa;
- Bà Trần Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Huỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T (tên gọi khác: H), sinh năm 1979 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Phạm Thị L (đã chết); bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Hồng T1 (đã ly hôn), hiện đang chung sống như vợ chồng với Phan Thị T2 và có 05 người con; tiền án: tại bản án sơ thẩm số 27/2016/HSST, ngày 31-3-2016, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm o, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt Tù 08 (tám) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong án phạt tù và toàn bộ bản án vào ngày 22-9-2021, chưa được xóa án tích; tiền sự: không có; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04-01-2023, chuyển tạm giam từ ngày 13-01-2023 cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Hồng T3, sinh năm 1997 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn

T4 và bà Nguyễn Thị Kim D; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: tại bản án sơ thẩm số 15/2017/HSST, ngày 14-3-2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh áp dụng khoản 1 Điều 114, điểm p Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt 06 (sáu) năm tù về tội “Cưỡng dâm trẻ em”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 14-7-2021, chưa chấp hành phần bồi thường số tiền 20.000.000 đồng cho bị hại, chưa được xóa án tích; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04-01-2023, chuyển tạm giam từ ngày 13-01-2023 cho đến nay, có mặt.

3. Phương Minh N1, sinh năm 1988 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phương Văn R và bà Trần Thị H1; bị cáo có vợ tên Lê Thị Yến N2 (đã ly hôn) và có 01 người con; tiền án: không; tiền sự: tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 21/QĐ-TA, ngày 06-4-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với N1 trong thời hạn 15 (mười lăm) tháng, chấp hành xong quyết định ngày 22-6-2022, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ từ ngày 04-01-2023, chuyển tạm giam từ ngày 13-01-2023 cho đến nay; có mặt.

4. Thượng Mạnh T5, sinh năm 1997 tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: khu phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thượng Văn M và bà Nguyễn Thị Ánh T6; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: tại bản án sơ thẩm số 87/2019/HSST, ngày 06-11-2019, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong toàn bộ bản án vào ngày 07-5-2021, chưa được xóa án tích; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04-01-2023, chuyển tạm giam từ ngày 13-01-2023 cho đến nay, có mặt.

5. Trần Thanh Đ, sinh năm 1995 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh H2 và bà Lê Thị Ngọc Á; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Trà M1 và có 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04-01-2023, chuyển tạm giam từ ngày 13-01-2023 cho đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị Kim N3, sinh năm 2001; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Anh Phan Văn T7, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Chị Phan Thị T2, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ giữa tháng 12-2022 đến ngày 04-01-2023, Phương Minh N1 đến khu vực công viên thị xã H, tỉnh Tây Ninh mua ma túy 02 lần với số tiền mỗi lần 10.000.000 đồng của một người tên “P (chưa xác định họ tên và địa chỉ). Sau khi mua ma túy, thông qua số điện thoại 0964151707, N1 bán ma túy cho Phạm Văn T 04 lần, trong đó N1 trực tiếp bán 01 lần và phân công cho Đ bán cho T 03 lần, với số tiền mỗi lần 3.500.000 đồng, tổng cộng số tiền là 14.000.000 đồng. Sau khi mua ma túy về, T phân ra thành nhiều bịch nhỏ trực tiếp bán cho người nghiện ma túy trên địa bàn huyện T tổng cộng 04 lần, trong đó có 01 lần bán cùng lúc cho 02 người, giao cho Nguyễn Hồng T3 đi bán 04 lần, giao cho Thượng Mạnh T5 đi bán 03 lần. Ngoài ra, T3 còn được T phân công đi mua ma túy của N 02 lần, mỗi lần với số tiền 3.500.000 đồng tại nhà trọ của N thuộc khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Cụ thể như sau:

*** Hành vi của Phương Minh N1:** Nhật bán ma túy cho T tổng cộng 04 lần, trong đó trực tiếp bán ma túy cho T 01 lần và giao Đ bán ma túy cho T 03 lần, cụ thể:

+ Lần 1: giữa tháng 12-2022, N1 trực tiếp bán ma túy cho T với số tiền 3.500.000 đồng tại nhà T.

+ Lần 2 và thứ 3: cuối tháng 12-2022, T hỏi mua ma túy của N1 02 lần với số tiền mỗi lần 3.500.000 đồng, Đ là người đi giao ma túy cho T3 (do T phân công T3 đi mua ma túy).

+ Lần 4: ngày 02-01-2023, T tiếp tục hỏi mua ma túy với số tiền 3.500.000 đồng. N1 đưa ma túy để Đ mang giao cho T tại khu vực thuộc xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

*** Hành vi của Trần Thanh Đ:**

Đ là anh, em con cô, con cậu ruột vợ Phương Minh Nhật. Để thuận lợi cho việc mua bán trái phép chất ma túy, N1 bàn bạc với Đ và thuê phòng trọ ở cùng Đ tại khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Đồng thời N1 nuôi ăn ở và cho tiền Đ tiêu xài để khi mua ma túy về thì N1 sẽ giao ma túy cho Đ cất giấu tại phòng trọ và giúp sức cho N1 trong việc mua bán ma túy. Từ tháng 12-2022 đến ngày bị bắt, N1 giao ma túy cho Đ bán lại cho T 03 lần với số tiền mỗi lần 3.500.000 đồng.

*** Hành vi của Phạm Văn T:** T đã tổ chức nuôi ăn, ở miễn phí cho Nguyễn Hồng T3, Thượng Mạnh T5 và cả hai có nhiệm vụ đi bán ma túy hoặc mua ma túy cho T về phân nhỏ ra bán lại cho người nghiện.

Từ tháng 12-2022 đến ngày 04-01-2023, T trực tiếp bán ma túy tổng cộng 05 lần, trong đó có 01 lần cùng lúc T bán cho 02 người, cụ thể:

+ Lần 1: bán ma túy cho Kỷ Phước S, sinh năm 1982, nơi cư trú ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh:

+ Lần 2: giữa tháng 12-2022, T bán ma túy cho S với số tiền 700.000 đồng tại khu vực C51, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

+ Lần 3: cũng trong tháng 12-2022, T bán ma túy cho Võ Ngọc A với số tiền 1.200.000 đồng tại khu vực ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

+ Lần 4: ngày 01-01-2023, T bán ma túy cho Võ Ngọc A với số tiền 1.200.000 đồng tại khu vực cầu S, thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

+ Lần 5: lúc 16 giờ 30 phút ngày 04-01-2023, tại phòng số 16, nhà nghỉ “Sao Biển” thuộc khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, Phạm Văn T đang bán 01 bịch nylon hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng nghi ma túy, với số tiền 1.300.000 đồng cho Võ Ngọc A, sinh năm 1988, nơi thường trú ấp T, xã T, huyện T và Trần Ngọc Á1, sinh năm 1997, nơi thường trú khu phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh thì bị bắt quả tang.

*** Hành vi của Nguyễn Hồng T3:** T3 được T phân công đi bán 04 lần và 01 lần bán cho người tên P1 (chưa xác định được người mua) gồm:

+ Lần 1: ngày 03-01-2023, T giao ma túy để T3 bán cho Nguyễn Thị Kim N3, sinh năm 2001, nơi thường trú ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh với số tiền 300.000 đồng tại nhà của T thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

+ Lần 2: ngày 03-01-2023, T3 và T5 nhận ma túy từ T bán cho Kỷ Phước S với số tiền 1.000.000 đồng tại nơi ở của S.

+ Lần 3: trưa ngày 04-01-2023, T3 bán 01 đoạn ống nhựa hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng (nghi ma túy) cho Lý Huỳnh Đ1, sinh năm 1997, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh với số tiền 300.000 đồng tại nơi ở của bị can T.

+ Lần 4: vào lúc 17 giờ 15 phút ngày 04-01-2023, sau khi nhận ma túy từ T, T3 đang bán 01 đoạn ống nhựa hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng (nghi ma túy) cho Lý Huỳnh Đ1 với số tiền 300.000 đồng tại nhà của Lê Quốc V, sinh năm 1992, nơi thường trú ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh thì bị bắt quả tang .

Ngoài ra, T3 còn bán ma túy cho người tên P1 con ông Tư L1 nhà ở khu vực chợ C2 với số tiền 200.000 đồng. Tuy nhiên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T chưa làm việc được với người tên P1 do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở xử lý.

*** Hành vi của Thượng Mạnh T5:** T5 được T phân công đi bán 03 lần gồm:

+ Lần 1: ngày 03-01-2023, T5 nhận ma túy do T giao đi bán cho Huỳnh Văn T8, sinh năm 1994, nơi thường trú ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh với số tiền 500.000 đồng tại trước quán cà phê “Thảo Anh” thuộc khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

+ Lần 2: ngày 03-01-2023, T5 cùng với T3 nhận ma túy từ T giao đi bán cho Kỷ Phước S với số tiền 1.000.000 đồng tại nhà Kỷ Phước S.

+ Lần 3: ngày 04-01-2023, T3 giao 05 đoạn ống nhựa bên trong có chứa chất ma túy cho T5 đi bán cho người nghiện. Tuy nhiên T5 chưa kịp đi bán thì Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T bắt giữ.

Tổng số ma túy thu giữ trong lúc bắt quả tang và khám xét dùng để mua bán gồm:

- Phạm Văn T bán cho Võ Ngọc A và Trần Ngọc Á1 là Methamphetamine có khối lượng 0,0383 gam và thu giữ có khối lượng 10,0525 gam. Tổng cộng là 10,0908 gam;

- Nguyễn Hồng T3 bán cho Lý Huỳnh Đ1 là Methamphetamine có khối lượng 0,0490 gam và thu giữ có khối lượng 0,5515 gam. Tổng cộng là 0,6005 gam;

- Thu giữ số ma túy của Thượng Mạnh T5 dùng để mua bán là Methamphetamine có khối lượng 0,6799 gam;

- Thu giữ số ma túy của Phương Minh N1 dùng để mua bán là Methamphetamine có khối lượng 4,9287 gam và 9,9227 gam. Tổng cộng là 14,8514 gam;

- Thu giữ số ma túy của Trần Thanh Đ dùng để mua bán là Methamphetamine có khối lượng 3,3070 gam;

*** Hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Hồng T3:**

Thái lợi dụng lúc Lê Quốc V không có mặt ở nhà tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh đã nhiều lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhiều người sử dụng, cụ thể:

Lần 1: ngày 28-12-2022, T3 mang ma túy và bộ dụng cụ sử dụng ma túy đến gốc cây me phía sau nhà của V. Tại đây T3 lấy ma túy ra đổ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy để tổ chức và sử dụng ma túy chung với Nguyễn Thị Thủy T9, sinh năm 1993, nơi thường trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh và Lê Thị Ngọc H3, sinh năm 1998, nơi cư trú: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Lần 2: ngày 04-01-2023, T3 tiếp tục mang ma túy và bộ dụng cụ sử dụng ma túy đến nhà của V. Tại phòng ngủ của V, T3 lấy ma túy ra đổ vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy để tổ chức và sử dụng ma túy chung với T9 và H3 thì bị bắt quả tang.

** Kết luận giám định chất ma túy:* tại Kết luận giám định số: 44/KL-KTHS ngày 11-01-2023 của Phòng K Công an T11 kết luận: vác mẫu gửi đến giám định đều là chất ma túy loại Methamphetamine, khối lượng lần lượt là M1: 0,0383 gam; M2: 0,0490 gam; M3: 0,5515 gam; M4: 4,9287 gam; B1: 10,0525 gam; C1: 0,6799 gam; E1: 9,9227 gam; E2: 3,3070 gam.

** Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể:* tại phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể của Trạm y tế thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh ngày 04-01-2023 và ngày 09-01-2023 đối với Phạm Văn T, Nguyễn Hồng T3, Thượng Mạnh T5, Phương Minh N1, Trần Thanh Đ, Kỷ Phước S, Trần Ngọc Á1, Huỳnh

Văn T8, Võ Ngọc A, Lý Huỳnh Đ1, Lê Quốc V1, Huỳnh Thị Kim N4, Nguyễn Thị Thủy T9, Lê Thị Ngọc H3 thể hiện tất cả đều dương tính với ma túy loại Methamphetamine.

** Kết luận giám định xe:*

- Tại bản kết luận giám định số: 321/KL-KTHS ngày 14-3-2023 của Phòng K Công an T11 kết luận:

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, biển số: 70H5 – 0692, số máy: 10085936, số khung: 10140527 số khung, số máy không bị đục xóa;

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius, biển số: 70B1 747.30, số máy: 5C64859400, số khung: RLCS5C640CY859399 số khung, số máy không bị đục xóa;

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Jupiter, biển số: 70G1 - 501.45, số máy: B1C3014136, số khung: RLCJ31C30AY014131 số khung, số máy không bị đục xóa;

+ 01 (một) xe mô tô biển số: 70L3 – 1432, số máy: VKV1P52FMH422148, số khung: PMKWCH4UM6K122148 số khung, số máy không bị đục xóa;

+ 01 (một) xe mô tô biển số: 70F2 – 7366, số máy: 1P52FMI07041338, số khung bị đục xóa không xác định được số nguyên thủy, số máy không bị đục xóa.

- Tại bản kết luận giám định số: 555/KL-KTHS ngày 28-4-2023 của Phòng K Công an tỉnh T11, kết luận:

+ 01 (một) xe mô tô hiệu SUZUKI, Satria, biển số: 70H1 - 484.44, số máy CGA1ID226353, số khung MH8DL11AZLJ226323: số khung, số máy không bị đục xóa;

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, Exciter, biển số: 70H1-481.57, số máy G3E6E-0589405, số khung MH3UG0750LK070962: số khung, số máy không bị đục xóa.

** Kết quả kê biên tài sản:* qua xác minh tài sản, N1 có quyền sử dụng đất tại thửa đất số 163, tờ bản đồ số 17, diện tích 5.004m², tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, Cơ quan canh sát điều tra Công an huyện T đã kê biên theo Lệnh kê biên số 02/LKB-ĐCSMT ngày 22-3-2023; Tư, T3, T5, Đ không có tài sản riêng có giá trị nên không kê biên.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKSTB, ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên đã truy tố bị cáo Phạm Văn T (tên gọi khác: H) về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a, b, c, i, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Nguyễn Hồng T3 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b, q khoản 2 Điều 251 và điểm a, b, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; Phương Minh N1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a, b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Thượng Mạnh T5 và Trần Thanh Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T (tên gọi khác: H), Phương Minh N1, Trần Thanh Đ, Thượng Mạnh T5 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; Nguyễn Hồng T3 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” và đề nghị:

1.1. Căn cứ điểm a, b, c, i, q khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Văn T (tên gọi khác: H) từ 12 (mười hai) năm tù đến 13 (mười ba) năm tù.

1.2. Căn cứ điểm a, b, i khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phương Minh N1 từ 09 (chín) năm tù đến 10 (mười) năm tù.

1.3. Căn cứ điểm a, b, q khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T3 từ 08 (tám) năm tù đến 09 (chín) năm tù.

- Căn cứ điểm a, b, h khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T3 từ 08 (tám) năm tù đến 09 (chín) năm tù.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo T3 cho hai tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

1.4. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Thượng Mạnh T5 từ 08 (tám) năm tù đến 09 (chín) năm tù.

1.5. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thanh Đ từ 07 (bảy) năm tù đến 08 (tám) năm tù.

Đề nghị xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố và không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (bà H1, chị T2) không tranh luận.

Lời nói sau cùng: các bị cáo T, N1, T3, T5, Đ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo, để các bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm

quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo thể hiện như sau:

[2.1] Từ tháng 12-2022 đến ngày 04-01-2023, Phương Minh N1 đến khu vực công viên thị xã H, tỉnh Tây Ninh mua ma túy của một người tên “P (chưa xác định họ tên và địa chỉ) hai lần, với số tiền mỗi lần là 10.000.000 đồng, mục đích về bán lại cho các đối tượng nghiện. N1 đã bàn bạc với Trần Thanh Đ và thuê phòng trọ ở cùng Đ, nuôi ăn ở, cho tiền Đ tiêu xài để Đ giúp sức cất giấu ma túy và giao ma túy giúp cho N1, cụ thể N1 đã bán ma túy cho Phạm Văn T 04 lần, trong đó N1 trực tiếp bán 01 lần, 01 bịch ma túy, số tiền 3.500.000 đồng và phân công cho Đ bán cho T 03 lần, 03 bịch ma túy, với tổng số tiền 10.500.000 đồng.

Phạm Văn T sau khi mua ma túy về cũng phân ra thành nhiều bịch nhỏ để bán lại cho nhiều đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 04-01-2023, tại phòng số 16, nhà nghỉ “Sao Biển” thuộc khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, T đang bán 01 bịch nylon hàn kín, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng (qua giám định xác định là ma túy loại Methamphetamine), với số tiền 1.300.000 đồng cho Võ Ngọc A và Trần Ngọc Á1 thì bị bắt quả tang. Ngoài ra, T còn trực tiếp bán ma túy cho người nghiện 04 lần, 04 bịch, số tiền 3.100.000 đồng; tổ chức nuôi ăn, ở miễn phí và bàn bạc, phân công cho Nguyễn Hồng T3, Thượng Mạnh T5 để cả hai giúp sức đi bán hoặc mua ma túy giúp T, cụ thể phân công T3 bán 03 lần, 03 bịch ma túy, số tiền 900.000 đồng; phân công T5 bán 02 lần, 06 bịch ma túy, số tiền 500.000 đồng; phân công T3 và T5 bán 01 lần, 01 bịch ma túy, số tiền 1.000.000 đồng.

Tổng số ma túy thu giữ các bị cáo xác định nhằm mục đích mua bán có khối lượng là 29,5296 gam, trong đó: thu của Phạm Văn T 10,0908 gam; Phương Minh N1 14,8514 gam; Nguyễn Hồng T3 0,6005 gam; Thượng Mạnh T5 0,6799 gam; Trần Thanh Đ 3,3070 gam.

[2.2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Phạm Văn T (tên gọi khác: H), Phương Minh N1, Nguyễn Hồng T3, Thượng Mạnh T5 và Trần Thanh Đ đủ yếu tố cấu thành tội **“Mua bán trái phép chất ma túy”**. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo có sự câu kết chặt chẽ, bàn bạc, phân công vai trò cụ thể cho từng người trong hoạt động mua bán trái phép chất ma túy và nhiều lần bán ma túy cho người khác, nên bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng hình phạt **“Phạm tội có tổ chức”** và **“Phạm tội 02 lần trở lên”**.

Ngoài ra, ngày 04-01-2023 Phạm Văn T cùng lúc bán ma túy cho hai người, nên bị cáo T bị áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng hình phạt **“Đối với 02 người trở lên”**; Nguyễn Hồng T3, Phạm Văn T đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về

tội phạm rất nghiêm trọng, nên các bị cáo T, T3 bị áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng hình phạt “*Tái phạm nguy hiểm*”; khối lượng ma túy thu giữ của Phương Minh N1 là 14,8514 gam, thu giữ của bị cáo T là 10,0908 gam, nên các bị cáo N1, T bị áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng hình phạt “*Heroine, C, Methamphetamine, A1, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*”.

[2.3] Do đó, tội phạm và hình phạt đối với Phạm Văn T được quy định tại các điểm a, b, c, i, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; đối với Phương Minh N1 được quy định tại các điểm a, b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; đối với Nguyễn Hồng T3 được quy định tại các điểm a, b, q khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; đối với Thượng Mạnh Đ2 và Trần Thanh Đ được quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[2.4] Ngoài hành vi mua bán trái phép chất ma túy, trong khoảng thời gian từ ngày 28-12-2022 đến ngày 04-01-2023, tại nhà của Lê Quốc V thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, bị cáo T3 hai lần thực hiện hành vi cung cấp ma túy và bộ dụng cụ sử dụng ma túy cho Nguyễn Thị Thủy T9 và Lê Thị Ngọc H3 cùng sử dụng, nên hành vi của T3 đủ yếu tố cấu thành tội “***Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy***” với các tình tiết định khung tăng nặng hình phạt “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Đối với 02 người trở lên*” theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

[2.5] Bản cáo trạng số 28/CT-VKSTB, ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, ma túy là loại chất độc được gây nghiện, nên Nhà nước độc quyền quản lý và nghiêm cấm việc trồng, mua bán, vận chuyển, sản xuất, tàng trữ, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, mà trực tiếp là hoạt động mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đồng thời hành vi của các bị cáo còn xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội, nên cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo T5 đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo N1, T, T3, Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo và tự thú ra những lần phạm tội trước đó, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

[4.3] Nhân thân: bị cáo N1 đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chưa hết thời hạn được xem là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, điều này thể hiện nhân thân của N1 là xấu.

[5] Xét mức độ phạm tội của từng bị cáo: vụ án có tổ chức, các bị cáo có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó:

T, N1 giữ vai trò chính là người chủ mưu cũng đồng thời là người thực hành trong tội mua bán trái phép chất ma túy, nên cần xử phạt T, N1 mức án nghiêm khắc và cao hơn các bị cáo T3, T5, Đ.

T3, T5, Đ là người thực hành và giúp sức đắc lực cho T, N1 trong hoạt động mua bán trái phép chất ma túy, nên cần xử phạt các bị cáo hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng các bị cáo đều là đối tượng nghiện ma túy, nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, nên cần áp dụng hình phạt chính là tù có thời hạn đối các bị cáo và cả hai tội danh đối với bị cáo T3, nhằm cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của cả hai tội danh đối với bị cáo T3.

[6] Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Xử lý vật chứng:

7.1. Tài sản của các bị cáo sử dụng vào mục đích mua bán trái phép chất ma túy còn giá trị sử dụng, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước gồm:

- Của bị cáo Phạm Văn T:

+ Số tiền 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu xanh dương, số Imel: 863980043322972, sim số 0964151707;

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, biển số: 70H5 – 0692, số máy: 10085936, số khung: 10140527 số khung, số máy không bị đục xóa, kèm theo Kết luận giám định và bản ảnh (bản gốc).

- Của bị cáo Nguyễn Hồng T3:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu xanh, số Imel: 866983054631072, sim số 0976584649, 0896552257;

+ Số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng.

- Của bị cáo Phương Minh N1:

+ Số tiền 2.300.000 (hai triệu ba trăm nghìn) đồng;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, số Imel: 869929058721937, sim số 0977477418 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, số Imel: 860646043785392;

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius, biển số 70B1 - 747.30, số máy: 5C64859400, số khung: RLCS5C640CY859399 số khung, số máy không bị đục xóa, kèm theo Kết luận giám định và bản ảnh (bản gốc).

- Cửa bị cáo Thượng Mạnh T5: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen, số Imel: 861063052777071, sim số 0365018901.

- Cửa bị cáo Trần Thanh Đ:

+ Số tiền 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số Imel: 353482158019524, sim số 0387750050;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A750, màu xanh, số I: 351580103676793.

7.2. Các vật chứng trong vụ án không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy gồm:

- 06 (sáu) bì thư niêm phong số 44/KL-KTHS, có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ Quốc T10, Trợ lý giám định Lê Nhựt N5, bên trong có chứa ma túy loại Methamphetamine được hoàn lại sau giám định, cụ thể:

+ 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 44/M3, bên trong chứa chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,4769 gam được hoàn lại sau giám định có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ Quốc T10 và Trợ lý giám định Lê Nhựt N5, kèm theo Kết luận giám định (bản sao y);

+ 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 44/M4, bên trong chứa chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 4,8190 gam được hoàn lại sau giám định có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ Quốc T10 và Trợ lý giám định Lê Nhựt N5, kèm theo Kết luận giám định (bản sao y);

+ 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 44/B1, bên trong chứa chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 9,8983 gam được hoàn lại sau giám định có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ Quốc T10 và Trợ lý giám định Lê Nhựt N5, kèm theo Kết luận giám định (bản sao y);

+ 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 44/C1, bên trong chứa chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,5838 gam được hoàn lại sau giám định có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ Quốc T10 và Trợ lý giám định Lê Nhựt N5, kèm theo Kết luận giám định (bản sao y);

+ 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 44/E1, bên trong chứa chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 9,6512 gam được hoàn lại sau giám định có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ Quốc T10 và Trợ lý giám định Lê Nhựt N5, kèm theo Kết luận giám định (bản sao y);

+ 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 44/E2, bên trong chứa chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 3,2308 gam được hoàn lại sau giám định có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ Quốc T10 và Trợ lý giám định Lê Nhựt N5, kèm theo Kết luận giám định (bản sao y).

- 02 (hai) bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 03 (ba) kéo bằng kim loại; 06 (sáu) hộp quẹt ga; 01 (một) cân tiểu ly; 20 (hai mươi) ống thủy tinh; 01 (một) ống thủy tinh được uốn cong một đầu.

7.3. Tiền và tài sản của các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án, gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C35, màu xanh, số Imel: 864751064633558, sim số 0868764697 của bị cáo Trần Thanh Đ.

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Jupiter, biển số: 70G1 - 501.45, số máy: B1C3014136, số khung: RLCJ31C30AY014131 số khung, số máy không bị đục xóa, kèm theo Kết luận giám định và bản ảnh (bản gốc); 01 (một) điện thoại di động S1, số I: 352303780955144/01, sim số 0325109272 của bị cáo Phương Minh N1.

+ 01 (một) xe mô tô biển số: 70L3 – 1432, số máy: VKV1P52FMH422148, số khung: PMKWCH4UM6K122148 số khung, số máy không bị đục xóa, kèm theo Kết luận giám định và bản ảnh (bản gốc) của bị cáo Phạm Văn T.

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

7.4. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án những tài sản không liên quan đến việc phạm tội, cụ thể:

+ Trả cho anh Phan Văn T7: 01 (một) xe mô tô biển số: 70F2 – 7366, số máy: 1P52FMI07041338, số khung bị đục xóa không xác định được số nguyên thủy, số máy không bị đục xóa, kèm theo Kết luận giám định và bản ảnh (bản gốc).

Kiến nghị Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh xử lý hành chính đối với anh T7 về hành vi sử dụng xe mô tô nhưng không có giấy tờ hợp lệ.

+ Trả cho chị Nguyễn Thị Kim N3: 01 (một) xe mô tô hiệu Satria, biển số: 70H1 – 484.44, số máy: CGA1ID226323, số khung: MH8DL11AZV226323; số khung và số máy không bị đục xóa, kèm theo Kết luận giám định và bản ảnh (bản gốc);

+ Trả cho bà Trần Thị H1: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, biển số: 70H1 – 481.57, số máy: G3E6E0589405, số khung: 0750LK070962, số khung và số máy không bị đục xóa, kèm theo Kết luận giám định và bản ảnh (bản gốc) và số tiền

Việt Nam 5.000.000 (năm triệu) đồng (trong tổng số tiền 7.300.000 đồng thu giữ của bị cáo Phương Minh N1);

+ Trả cho chị Phan Thị T2: số tiền Việt Nam 4.600.000 (bốn triệu sáu trăm nghìn) đồng (trong tổng số tiền 5.900.000 đồng thu giữ của bị cáo Phạm Văn T).

2.5. Số tiền có được từ việc mua bán trái phép chất ma túy các bị cáo chưa giao nộp, nên cần truy tịch thu sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Bị cáo Phương Minh N1 số tiền 10.400.000 (mười triệu bốn trăm nghìn) đồng;

+ Bị cáo Phạm Văn T số tiền 5.100.000 (năm triệu một trăm nghìn) đồng;

+ Bị cáo Trần Thanh Đ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng;

+ Bị cáo Thượng Mạnh T5 900.000 (chín trăm nghìn) đồng;

+ Bị cáo Nguyễn Hồng T3 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng.

* Đối với Võ Ngọc A, Trần Ngọc Á1, Lý Huỳnh Đ1, Lê Thị Ngọc H3, Nguyễn Thị Thủy T9, Lê Quốc V, Nguyễn Thị Kim N3, Kỷ Phước S, Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

* Đối với Huỳnh Văn T8 do đang bị UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh đã chuyển hồ sơ cho Công an xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh lập hồ sơ đưa đi cai nghiện bắt buộc.

* Đối với Lê Quốc V, khi T3 tổ chức cho T9 và H3 sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của V thì V không có ở nhà, V hoàn toàn không biết sự việc và Huỳnh Thị C1 (chủ nhà nghỉ S2) đã thực hiện đúng việc đăng ký lưu trú, không biết việc T bán ma túy cho Ngọc A và Ngọc Á1 tại phòng số 16, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh không xử lý là có căn cứ.

* Đối với người tên P bán ma túy cho N1, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch và người tên P1 con ông Tư L1 là người mua ma túy của T3 hiện không có mặt ở địa phương nên chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[8] Xử lý đối với tài sản bị kê biên: Lệnh kê biên tài sản số 02/LKB-ĐTTH ngày 22-3-2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh kê biên quyền sử dụng đất diện tích 5.004m²; thuộc thửa đất số 163, tờ bản đồ số 17; đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 329260, sổ vào sổ cấp GCN: CS04247 ngày 22-01-2018, cho Phương Minh N1, cần tiếp tục duy trì cho đến khi bị cáo N1 chấp hành xong các khoản tiền phạt và án phí.

[9] Các bị cáo T, N1, T3, T5 và Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Phạm Văn T (tên gọi khác: H), Phương Minh N1, Thượng Mạnh T5 và Trần Thanh Đ phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; bị cáo Nguyễn Hồng T3 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

1.1. Căn cứ điểm a, b, c, i, q khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T (tên gọi khác: H) 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04-01-2023.

1.2. Căn cứ điểm a, b, i khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phương Minh N1 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04-01-2023.

1.3. Căn cứ điểm a, b, q khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T3 08 (tám) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Căn cứ điểm a, b, h khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T3 08 (tám) năm tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự: tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Hồng T3 phải chấp hành chung cho cả hai tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” là 16 (mười sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04-01-2023.

1.4. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Thượng Mạnh T5 08 (tám) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04-01-2023.

1.5. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thanh Đ 07 (bảy) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04-01-2023.

2. Xử lý vật chứng: căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

2.1. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước tài sản của các bị cáo gồm:

- Cửa bị cáo Phạm Văn T:

+ Số tiền 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu xanh dương, số Imel: 863980043322972, sim số 0964151 707;

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, biển số: 70H5 – 0692, số máy: 10085936, số khung: 10140527 số khung, số máy không bị đục xóa, kèm theo Kết luận giám định và bản ảnh (bản gốc).

- Cửa bị cáo Nguyễn Hồng T3:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu xanh, số Imel: 866983054631072, sim số 0976584649, 0896552257;

+ Số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng.

- Cửa bị cáo Phương Minh N1:

+ Số tiền 2.300.000 (hai triệu ba trăm nghìn) đồng;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, số Imel: 869929058721937, sim số 0977477418 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, số Imel: 860646043785392;

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Sirius, biển số 70B1 - 747.30, số máy: 5C64859400, số khung: RLCS5C640CY859399 số khung, số máy không bị đục xóa, kèm theo Kết luận giám định và bản ảnh (bản gốc).

- Cửa bị cáo Thượng Mạnh T5: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu đen, số Imel: 861063052777071, sim số 0365018901.

- Cửa bị cáo Trần Thanh Đ:

+ Số tiền 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen, số Imel: 353482158019524, sim số 0387750050;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A750, màu xanh, số I: 351580103676793.

2.2. Tịch thu tiêu hủy các vật chứng trong vụ án không còn giá trị sử dụng, cụ thể:

- 06 (sáu) bì thư niêm phong số 44/KL-KTHS, có chữ ký niêm phong của giám định viên Võ Quốc T10, trợ lý giám định Lê Nhựt N5, bên trong có chứa ma túy loại Methamphetamine được hoàn lại sau giám định, cụ thể:

+ 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 44/M3, bên trong chứa chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,4769 (không phẩy bốn bảy sáu chín) gam được hoàn lại sau giám định có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ Quốc T10 và Trợ lý giám định Lê Nhựt N5, kèm theo Kết luận giám định (bản sao y);

+ 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 44/M4, bên trong chứa chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 4,8190 (bốn phẩy tám một chín không) gam

được hoàn lại sau giám định có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ Quốc T10 và Trợ lý giám định Lê Nhựt N5, kèm theo Kết luận giám định (bản sao y);

+ 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 44/B1, bên trong chứa chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 9,8983 (chín phẩy tám chín tám ba) gam được hoàn lại sau giám định có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ Quốc T10 và Trợ lý giám định Lê Nhựt N5, kèm theo Kết luận giám định (bản sao y);

+ 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 44/C1, bên trong chứa chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 0,5838 (không phẩy năm tám ba tám) gam được hoàn lại sau giám định có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ Quốc T10 và Trợ lý giám định Lê Nhựt N5, kèm theo Kết luận giám định (bản sao y);

+ 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 44/E1, bên trong chứa chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 9,6512 (chín phẩy sáu năm một hai) gam được hoàn lại sau giám định có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ Quốc T10 và Trợ lý giám định Lê Nhựt N5, kèm theo Kết luận giám định (bản sao y);

+ 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 44/E2, bên trong chứa chất ma túy loại Methamphetamine có khối lượng 3,2308 (ba phẩy hai ba không tám) gam được hoàn lại sau giám định có chữ ký niêm phong của Giám định viên Võ Quốc T10 và Trợ lý giám định Lê Nhựt N5, kèm theo Kết luận giám định (bản sao y).

- 02 (hai) bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 03 (ba) kéo bằng kim loại; 06 (sáu) hộp quẹt ga; 01 (một) cân tiểu ly; 20 (hai mươi) ống thủy tinh; 01 (một) ống thủy tinh được uốn cong một đầu.

2.3. Trả lại cho các bị cáo tiền và tài sản không liên quan đến việc phạm tội, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án, gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme C35, màu xanh, số Imel: 864751064633558, sim số 0868764697 và số tiền Việt Nam 1.000.000 (một triệu) đồng của bị cáo Trần Thanh Đ;

+ 01 (một) xe mô tô hiệu Jupiter, biển số: 70G1 - 501.45, số máy: B1C3014136, số khung: RLCJ31C30AY014131 số khung, số máy không bị đục xóa; kèm theo Kết luận giám định và bản ảnh (bản gốc); 01 (một) điện thoại di động S1, số I: 352303780955144/01, sim số 0325109272 của bị cáo Phương Minh N1;

Kiến nghị Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh xử lý hành chính đối với bị cáo N1 về hành vi sử dụng xe mô tô nhưng không có giấy tờ hợp lệ.

+ 01 (một) xe mô tô biển số: 70L3 - 1432, số máy: VKV1P52FMH422148, số khung: PMKWCH4UM6K122148 số khung, số máy không bị đục xóa, kèm theo Kết luận giám định và bản ảnh (bản gốc) của bị cáo Phạm Văn T.

Trường hợp người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì chấp hành viên xử lý tiền, tài sản đó để thi hành án theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp người phải thi hành án đã tự nguyện thi hành án xong thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định trả lại tiền, tài sản tạm giữ theo quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều 126 của Luật Thi hành án dân sự.

2.4. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án các tài sản gồm:

+ Trả cho anh Phan Văn T7: 01 (một) xe mô tô biển số: 70F2 – 7366, số máy: 1P52FMI07041338, số khung bị đục xóa không xác định được số nguyên thủy, số máy không bị đục xóa, kèm theo Kết luận giám định và bản ảnh (bản gốc).

Kiến nghị Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh xử lý hành chính đối với anh T7 về hành vi sử dụng xe mô tô nhưng không có giấy tờ hợp lệ.

+ Trả cho chị Nguyễn Thị Kim N3: 01 (một) xe mô tô hiệu Satria, biển số: 70H1 – 484.44, số máy: CGA1ID226323, số khung: MH8DL11AZV226323; số khung và số máy không bị đục xóa, kèm theo Kết luận giám định và bản ảnh (bản gốc);

+ Trả cho bà Trần Thị H1: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, biển số: 70H1 – 481.57, số máy: G3E6E0589405, số khung: 0750LK070962, số khung và số máy không bị đục xóa, kèm theo Kết luận giám định và bản ảnh (bản gốc) và số tiền Việt Nam 5.000.000 (năm triệu) đồng.

+ Trả cho chị Phan Thị T2: số tiền Việt Nam 4.600.000 (bốn triệu sáu trăm nghìn) đồng.

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 26-5-2023. tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh).

2.5. Truy tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo, cụ thể:

+ Bị cáo Phương Minh N1 số tiền 10.400.000 (mười triệu bốn trăm nghìn) đồng;

+ Bị cáo Phạm Văn T số tiền 5.100.000 (năm triệu một trăm nghìn) đồng;

+ Bị cáo Trần Thanh Đ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng;

+ Bị cáo Thượng Mạnh T5 900.000 (chín trăm nghìn) đồng;

+ Bị cáo Nguyễn Hồng T3 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng.

3. Xử lý tài sản bị kê biên:

Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số 02/LKB-ĐTTH ngày 22-3-2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Tây Ninh kê biên quyền sử dụng đất diện tích 5.004m²; thuộc thửa đất số 163, tờ bản đồ số 17; đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 329260, số vào sổ cấp GCN: CS04247 ngày 22-01-2018 cho đến khi bị cáo Phương Minh N1 chấp hành xong các khoản tiền phạt và án phí.

4. Về án phí: căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Văn T (tên gọi khác: H), Phương Minh N1, Nguyễn Hồng T3, Thượng Mạnh T5 và Trần Thanh Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- PKTNV- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Cơ quan THAHS;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TN;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thúy